



Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau
(Diễm Xưa, Trịnh Công Sơn)

Cách nay 351 năm Ninh Hòa Xưa có tên là phủ Thái Khang, gồm 2 huyện Quảng Phước, Tân Định, chạy dài từ Đèo Cả đến phủ Diên Ninh (Diên Khánh).

Chúng tôi mạo muội ghi lại đôi dòng lịch sử, chắc chắn còn nhiều thiếu sót nhầm lẫn, kính mong được sự chỉ giáo của các bậc cao minh và quý đồng hương để sự hiểu biết của chúng ta về Tiên Nhân và Quê Hương mỗi ngày một thêm sáng tỏ, xin đa tạ quý vị.

Bài viết này căn cứ vào các tài liệu tham khảo quý giá có liệt kê ở cuối bài, người viết xin mạn phép và chân thành cảm ơn quý tác giả, cùng các nhà xuất bản.



Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh

Sự tích tôn thần Nguyễn Hữu Cảnh tại đền thờ Châu Phú. ----->

Ghi Chú:

Bản đồ (Góc trên cùng bên tay trái) - Ninh Hòa Xưa tức là Phủ Thái Khang gồm hai huyện: Vạn Ninh, Ninh Hòa và một phần của Khánh Dương ngày nay.

ĐÔI DÒNG LỊCH SỬ:

Lịch sử Ninh Hòa Xưa gắn liền với lịch sử tỉnh Khánh Hòa.

Tỉnh Khánh Hòa là phần đất của nước Tây Đồ Di, nước Tây Đồ Di (Lin Yi) còn gọi là Lâm Ấp ra đời khoảng năm 190-192 độc lập hùng cường, trong lúc nước ta (người Tàu đặt tên là Giao Chi) còn bị lệ thuộc nhà Hán, về sau nước Lâm Ấp bị Chiêm Thành (Champa, Nagara Campa) chiếm mất.

Theo "Xứ Trầm Hương", Khánh Hòa là châu Kaut Hara của Chiêm Thành, người Tàu gọi là Kautan.

Theo "Sài Gòn 300 năm cũ" phần đất Khánh Hòa (Kanthara, Kanthara chứ không phải Kaut Hara), Phan Rang (Panduranga) và Bình Thuận được gọi là miền Nam Chiêm Thành.

Sử nhà Minh chép Chiêm Thành có 27 xứ, 4 phủ, 7 châu, 22 huyện, nước An Nam lấy chỉ còn 5 xứ Bang Đô Lang (Phan Đô Lung) đến Chân Lạp mà thôi.

Cũng theo Quách Tấn, Cù Huân là tên cổ dùng để gọi Khánh Hòa có lẽ do tiếng Kaut Hara đọc trại ra, Nha Trang hiện còn địa danh "cầu Hà Ra, xóm Hà Ra".

Sách "Phủ Biên Tạp Lục" ghi: "Năm 1653 Vua Chiêm là Bà Tấm quấy rối đất Phú Yên, Chúa Nguyễn Phúc Tần sai 3.000 quân đi đánh (...) Bà Tấm xin hàng và cắt đất từ sông Phan Rang trở ra đến Phú Yên dâng cho, Chúa Nguyễn đặt làm 2 phủ: phủ Thái Khang và phủ Diên Ninh (Diên

Khánh)".

Sách "Việt Nam Sử Lược" chép: "Năm Quý Tỵ (1653) Vua nước Chiêm Thành là Bà Thấm sang quấy nhiễu ở đất Phú Yên, chúa Hiền là Nguyễn Phúc Tần mới sai quan cai cơ là Hùng Lộc sang đánh. Bà Thấm phải dâng thư xin hàng. Chúa Nguyễn để từ sông Phan Lang trở vào cho vua Chiêm, còn từ sông Phan Lang trở ra lấy làm Thái Ninh phủ, sau đổi làm phủ Diên Khánh (tức là Khánh Hòa bây giờ), đặt dinh Thái Khang để Hùng Lộc làm thái thú."

Sách "Sài Gòn 300 năm cũ" ghi: "Năm 1653 đến lượt chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần đưa quân dân vượt đèo vượt núi (Thạch Bi) lần chiếm lãnh thổ Chiêm Thành đến tận Phan Rang, đặt dinh Thái Khương với hai phủ Thái Khương (Ninh Hòa) và Diên Ninh (Diên Khánh)."

Sách "Xứ Trầm Hương" viết: "từ sông Phiên Lang trở ra đến Phú Yên thì chiếm cứ, lập ra hai phủ là Diên Ninh và Thái Khang, và 5 huyện là Phước Điền, Hòa Châu, Vĩnh Xương thuộc phủ Diên Ninh, và Tân Định, Quảng Phước thuộc phủ Thái Khang."

Hùng Lộc được bổ làm Thái Thú cai trị hai phủ. Dinh đóng tại Thái Khang."

Từ 4 sử liệu trên, chúng ta có thể kết luận rằng năm 1653, cách nay 351 năm, Vua Chiêm Thành là Bà Thấm sang quấy nhiễu đất Phú Yên, Chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần sai quan Cai cơ Hùng Lộc dẫn 3.000 quân vượt đèo vượt núi Thạch Bi (đèo Cả) sang đánh, Vua Chiêm đại bại dâng thư xin hàng và cắt châu Kaut Hara của Chiêm Thành từ sông Phan Rang ra đến Đèo Cả dâng cho, Chúa Nguyễn đặt dinh Thái Khang với 2 phủ, 5 huyện. 2 phủ là Thái Khang (Ninh Hòa) và Diên Ninh (Diên Khánh). 5 huyện là Phước Điền, Hòa Châu, Vĩnh Xương thuộc phủ Diên Ninh; Tân Định, Quảng Phước thuộc phủ Thái Khang. Hùng Lộc được cử làm Thái Thú cai trị 2 phủ, dinh đóng tại Thái Khang tức Ninh Hòa bây giờ.

Huyện Tân Định thuộc địa phận Ninh Hòa, còn huyện Quảng Phước thuộc địa phận Vạn Ninh bây giờ.

Theo tác giả Quách Tấn, từ khi châu Kaut Hara của Chiêm Thành thuộc về ta "cơ quan cai trị đều đóng ở Bình Khang cho đến đời Nhà Nguyễn Trung hưng mới dời vào Diên Khánh. Dinh quan trấn thủ đóng trong vùng Ninh Hòa hiện tại. Nhân sông chảy qua trước dinh, người địa phương mới gọi là sông Dinh cho gọn."

Theo tác giả Nguyễn Thặng: "Huyện Ninh Hòa trước kia là huyện Tân Định thuộc phủ Thái Khang có ranh giới từ đèo Rù Rì đến sông Dinh (...) Dinh Bình Khang có thủ phủ đóng trên bờ Bắc sông Dinh thuộc làng Phước Đa."

Theo tác giả Nguyễn Đình Tư: "Vào khoảng 1930-1931 (...) chính phủ thực dân Pháp bèn đổi huyện Tân Định thành phủ Ninh Hòa (tức Ninh Hòa bây giờ), còn phủ Ninh Hòa cũ thì đổi là huyện Vạn Ninh, tên Tân Định mất hẳn từ đó."

Tác giả Trần Đình Tây trong bài "Hòn Khói Quê Tôi" viết: "Trước năm 1930 Hòn Khói quê tôi là Tổng Hà Ngoại trực thuộc huyện Vạn Ninh. (...) Hòn Khói cách huyện Vạn Ninh độ 50 cây số đường biển, cách huyện Ninh Hòa hơn 10 cây số. Thuở ấy, tổ tiên chúng ta di chuyển từ nơi này đến địa phương nọ chỉ có 2 phương tiện duy nhất là đi bộ hoặc bằng ghe thuyền. Từ Hòn Khói lên Vạn Ninh (Vạn Giã) đêm nào cũng có "ghé đò" chở khách lên xuống - một đêm đi lên, một đêm đi xuống - ghé đò nằm tại bến Bình Tây kể đi người về tấp nập (...) Từ làng Phú Thọ đi lên Ninh Hòa phải qua Chánh Thanh, sườn núi Hòn Hèo, rồi đến đèo Hà Thanh tức đèo Bánh Ít cho đến đầu làng Phước Đa đều là rừng rậm. Thuở ấy cộp beo, thú dữ vô số (...) Hòn Khói cách Ninh Hòa gần hơn đi Vạn Ninh mà ít ai muốn liên lạc, kể cả quan quân... Bởi lý do giao thông trắc trở như thế nên Hòn

Khối tức Tổng Hà Ngoại năm xưa trực thuộc huyện Vạn Ninh là vậy."

Ninh Hòa xưa mang tên Thái Khang tới 37 năm mới đổi thành Bình Khang, do đó theo tôi, tên con sông Dinh không phải đợi tới khi đổi thành Bình Khang mới "gọi là sông Dinh cho gọn" mà đã có từ khi Ninh Hòa còn mang tên Thái Khang, và tôi cũng tin 1 số địa danh khác như Núi Ba Non, Hòn Vọng Phu, v.v... cũng xuất hiện rất sớm trong khoảng thời gian ấy.

Tôi đồng ý với Ông Nguyễn Thặng "dinh Bình Khang có thủ phủ đóng trên bờ Bắc sông Dinh", nhưng "đóng tại làng Phước Đa" theo tôi không phải là dinh Bình Khang, dinh Bình Khang đóng tại làng Vĩnh Phú bên bờ tả ngạn tức bờ Bắc sông Dinh gần khu vực cầu Dinh hiện nay. Đóng tại làng Phước Đa là phủ đường Bình Khang (về sau đổi là phủ đường Ninh Hòa), theo xác minh của anh Trần Thế Vinh tuổi trên 60, quê Thuận Lợi, Ninh Hòa cho biết như sau:

"Từ cầu Dinh thuộc Thị trấn Ninh Hòa đi ra hướng Bắc chừng 1 cây số là tới cổng Phước Đa, gần cổng có 1 con đường rẽ trái, đi khoảng hai, ba trăm mét sẽ gặp một khu đất cao (thuộc làng Phước Đa), chính nơi đây ngày xưa là Phủ đường của phủ Ninh Hòa, cho nên dân chúng mới gọi con đường này là "đường lên phủ cũ", về sau có lẽ vào thời Pháp, Phủ đường được dời về địa điểm mới gần khu vực Ngã Ba Bùng Bình Thị trấn Ninh Hòa hiện nay".

Tóm lại, Phủ đường Thái Khang là nơi làm việc của quan Tri Phủ phủ Thái Khang đóng tại làng Phước Đa, xã Ninh Đa, huyện Ninh Hòa. Còn dinh Thái Khang là nơi làm việc của quan Thái Thú (khi đổi thành Bình Khang thì gọi là quan Trấn Thủ) cai trị 2 phủ đóng bên bờ tả ngạn tức bờ Bắc sông Dinh gần khu vực cầu Dinh thuộc làng Vĩnh Phú, xã Ninh Hiệp, tức Thị trấn Ninh Hòa ngày nay.

Có nghĩa là sông chảy ngang qua dinh Thái Thú được gọi là sông Dinh, cầu bắt ngang qua sông được gọi là cầu Dinh, và chợ bên kia sông được gọi là chợ Dinh.

Khoảng năm 1930-1931 huyện Tân Định được đổi thành phủ Ninh Hòa.

Theo Ô. Nguyễn Thặng, huyện Tân Định có ranh giới từ sông Dinh đến đèo Rù Rì.

Còn tác giả Nguyễn Đình Tư (viết năm 1968) thì cho biết đèo Rọ Tượng là ranh giới của "hai quận Vĩnh Xương và Ninh Hòa" cùng một ý kiến với Thi sĩ Quách Tấn.

Như vậy, ranh giới của Ninh Hòa xưa ở phía Bắc là Đèo Cả, còn ở phía Nam thì thay đổi theo thời gian, lúc thì tại đèo Rù Rì, lúc thì tại đèo Rọ Tượng, và hiện nay là tại cuối thôn Ngọc Diêm xã Ninh Ích, huyện Ninh Hòa giáp ranh với xã Vĩnh Lương, huyện Vĩnh Xương.

Còn sông Dinh có phải là ranh giới giữa 2 huyện Tân Định (Ninh Hòa) và Quảng Phước (Vạn Ninh) như tác giả Nguyễn Thặng đã viết hay không? Hay là tại đèo Bánh Ít hoặc dốc Đá Trắng? Xin thỉnh cầu ý kiến của quý vị trưởng bối.

Có 3 tư liệu quý tôi xin ghi ra đây để giúp cho các nhà nghiên cứu:

Hòn Khối trước năm 1930 có tên là Tổng Hà Ngoại trực thuộc huyện Quảng Phước tức huyện Vạn Ninh bây giờ (theo tác giả Trần Bình Tây).

Chuông chùa Thanh Lương thôn Nhĩ Sự , xã Ninh Thân, huyện Ninh Hòa đúc năm 1763 còn lưu tại chùa, có ghi câu: "Đại Việt quốc, Quảng Nam xứ, Vương Thái hà, Tân Định huyện , Tổng Trung, Bình An xã, Bình An thôn." Bình An thôn là thôn Nhĩ Sự bây giờ.

Bức Giới Dao Độ Diệp của Bộ Lễ triều Minh Mạng cấp cho Đại Đức Liễu Bửu-Huệ Thân trụ trì chùa Thiên Bửu Hạ, thuộc thôn Mỹ Hiệp, xã Ninh Hiệp, huyện Ninh Hòa năm 1835 còn lưu tại chùa, có ghi câu: "Khánh Hòa tỉnh, Tăng Lê văn Tự, pháp danh Liễu Bửu, quán Khánh Hòa tỉnh, Ninh Hòa phủ, Tân Định huyện, Trung Tổng, Toàn Thạnh xã." Toàn Thạnh xã sau đổi thành thôn Mỹ Thạnh, rồi thôn Mỹ Hiệp tức Thị trấn Ninh Hòa bây giờ.

Tại sao Dinh Thái Khang không đặt tại Nha Trang hay Diên Khánh mà đặt tại Ninh Hòa?

Theo tôi, trong binh pháp, việc giữ đất giữ thành khó hơn chiếm đất chiếm thành, kinh nghiệm lịch sử cho thấy trong quá khứ quân Chiêm Thành thường sang quấy nhiễu nước ta, thường hay đánh chiếm lại những vùng đất đã mất. Thời Chế Bồng Nga họ đã đánh tới Thăng Long và đốt rụi cả Kinh Thành nhà Trần. Do đó, quan Thái thú Hùng Lộc vốn là một vị danh tướng văn võ toàn tài và Chúa Hiền là một vị Chúa thông minh sáng suốt, sau khi chiếm được châu Kaut Hara của Chiêm Thành không đặt dinh Thái Khang ở Diên Khánh hay Nha Trang mà đặt dinh ở Ninh Hòa nằm bên bờ tả ngạn tức bờ Bắc sông Dinh là có ý lo xa để phòng trường hợp quân Chiêm có thể tái chiếm. Từ Phan Rang muốn chiếm dinh Thái Khang quân Chiêm phải chiếm phủ Diên Ninh, từ đó tiến ra Thái Khang họ phải vượt qua ba bốn chục cây số trên con đường độc đạo với 1 địa hình hiểm trở có 2 con sông và 2 ngọn đèo ngăn chặn... Do đó đặt dinh Thái Khang ở Ninh Hòa vào thời điểm đó về mặt phòng thủ an toàn vững chắc hơn đặt ở Nha Trang hay Diên Khánh. Còn về mặt hành chánh, tiếp tế và liên lạc với phủ Chúa ở Phú Xuân cũng thuận lợi dễ dàng hơn. Riêng về kinh tế thì phủ Thái Khang tương đối cân đối đồng đều hơn về công nông lâm ngư nghiệp, có đủ lúa gạo, cá, muối... để quân, dân có thể tạm thời tự túc trong thời gian chờ viện binh.

Sau khi đặt dinh chia phủ, cử quan thái thú lập xong bộ máy cai trị, Chúa Hiền cho tiến hành chính sách di dân đã có 40 năm trước thời Chúa Tiên (1611).

Theo tác giả Nguyễn Xuân Lâm: "Năm 1648, chiến tranh Trịnh Nguyễn xảy ra quyết liệt, quân Nguyễn bắt được gần 3 vạn tù binh đưa hết vào những vùng đất từ Quảng Nam đến Phú Yên khai khẩn. Cứ 50 người làm 1 ấp được cấp công cụ và lương thực trong nửa năm đầu. Ba năm đầu khỏi nộp thuế. Nhờ chính sách di dân khai hoang tích cực này, Thuận Quảng diện tích canh tác được mở rộng, nhiều làng xóm mọc lên ngày càng đông."

Sách "Lịch sử Việt Nam Tập I" trang 293 ghi: "Họ Nguyễn đẩy mạnh công cuộc khai hoang bằng chính sách khẩn hoang lập làng. Nông dân di cư và tù binh là lực lượng chủ yếu. Họ được cấp nửa năm lương thực và 1 số nông cụ, rồi chia thành từng đoàn đi khai phá đất hoang lập thành những làng ấp mới. Ruộng đất khai khẩn sung vào làm ruộng đất công của làng đặt dưới quyền sở hữu tối cao của họ Nguyễn."

Tác giả Nguyễn Thặng cho biết: "Giữa thế kỷ thứ 17, cư dân Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định đến Ninh Hòa sinh sống. Họ cư trú mở mang trước tiên ở những vùng đất bằng, trên 2 bờ sông Dinh, ven các trục giao thông, trên cửa sông, cửa biển, những nơi có điều kiện đi lại, lui về thăm quê cũ thuận tiện. Những xóm làng đầu tiên của Ninh Hòa là những làng xung quanh Ngã Ba sông Dinh, nay là Thị trấn Ninh Hòa và các thôn ở vùng ven."

Qua 3 trích dẫn trên, chúng ta biết đoàn di dân vào 2 phủ Thái Khang và Diên Ninh, hầu hết lấy từ vùng Thuận Quảng... gồm những người nghèo khổ không ruộng đất, và những tù nhân tù binh được cho đi khai khẩn đất hoang để lập công chuộc tội...

Tôi tin đợt di dân thời Chúa Tiên vào khai khẩn đất Phú Yên đã mau chóng thành tựu nhờ chính sách khẩn hoang lập làng rất tích cực của Chúa Nguyễn, cũng như Phú Yên là vựa lúa miền Trung có đồng bằng sông Đà Rằng rộng lớn phì nhiêu khác hẳn với vùng Thuận Hóa cần cõn đất cày lên

sỏi đá, khí hậu khắc nghiệt trời hành cơn lụt mỗi năm. Trong vòng 40 năm đủ dài để đời sống cư dân ổn định sung túc là một hình ảnh đầy sức thuyết phục sau mỗi chuyến họ về thăm cố hương thay cho ngàn câu tâm lý chiến tuyên truyền... khiến Chính sách Di dân và Phong trào Nam Tiến của Chúa Nguyễn được thuận lợi.

Do đó, sau khi Chúa Hiền phát động chiến dịch di dân vào đất Thái Khang, tôi tin rằng Tổ tiên chúng ta đã vui vẻ hưởng ứng, hăng hái lên đường với bao niềm tin tưởng lạc quan hy vọng trong lòng. Tất cả được chia thành nhiều toán, mỗi toán 50 người nhận nửa năm lương thực, dụng cụ... di chuyển bằng đường bộ, đường biển vào đất Thái Khang để khẩn hoang lập làng, ruộng đất khẩn được, họ được làm ăn miễn thuế trong 3 năm đầu. Những vùng đất ven biển Đại Lãnh, ven cửa Vạn cửa Giã, cửa Hà Liên, cửa sông Dinh, Hòn Khói, ven sông Tu Bông, sông Bình Trung, sông Vạn Giã, sông An Lương, sông Dinh, sông Cầu Lắm, ven Quốc lộ số 1 như Tu Bông, Vạn Giã, Phước Đa, Vĩnh Phú, Vĩnh Hiệp, Phong Ấp, Thuận Lợi, Thuận Mỹ, Mỹ Trạch, ven Bến Đò như Tân Tế, Phong Phú... Có lẽ đó là những địa điểm mà lưu dân đặt chân tới đầu tiên, nhà cửa được cất lên đầu tiên, làng xã được lập ra đầu tiên. Từ đó sẽ tỏa rộng ra như "tầm thực" trên những vùng đồng bằng màu mỡ Đồng Giang, Đồng Mốc, Đồng Dáy, Đồng Gáo, Đồng Bà Chỉ, Đồng Đụt, Đồng Tân Phước, Hội Khánh, Tứ Chánh, Bình Trung, Phú Cang, Quảng Hội, Mỹ Đồng, v.v... ở Vạn Ninh, Đồng Cháy, Đồng Nảy, Đồng Chuôm, Đồng Lau, Đồng Thân, Đồng Khách Mười, Đồng Nghi Xuân, Vĩnh Thịnh, Ninh Ích, Quang Đông, Diêm Tịnh, Xuân Hòa, Phú Bình, Phú Hòa, Đại Tập, Đại Mỹ, Hà Thanh, Thanh Châu, Tân Hưng, Trường Lộc v.v... ở Ninh Hòa.

Theo "Phủ Biên Tạp Lục" đường sá đi lại lúc bấy giờ chỉ là những con đường mòn nhỏ hẹp băng qua nhiều trũng nhiều đèo rậm rạp hiểm trở. Đoạn qua đèo Hồ Dương (Đèo Cả) có nhiều đá đen lởm chởm. Đường bộ thì đi bộ, đôi khi đi bằng ngựa. Còn đường thủy thì đi bằng thuyền buồm, như đoạn từ Hòn Khói đến Hội An (Quảng Nam) trời tốt chỉ đi chừng năm ba ngày.

Từ đó, chúng ta có thể hình dung vào thời xa xưa tại phủ Thái Khang khu vực 2 bên Cầu Dinh tập nập người qua kẻ lại... dưới sông ghe thuyền xuôi ngược, trên bờ lưu dân gồng gánh, binh lính xa mã rộn ràng... bên này sông, dinh Thái Khang cờ xí tung bay, bên kia sông, chợ Dinh người buôn kẻ bán, và xa hơn, ẩn hiện sau những bờ tre đám chuối hàng cau... là nhà cửa của các tân thôn Vĩnh Phú, Mỹ Hiệp, tức Thị trấn Ninh Hòa bây giờ.

VINH HỒ
(Orlando, Tháng 6/2004)

Tài liệu tham khảo:

Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quý Đôn.
Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim.
Lịch Sử Đ.B. Ninh Hòa của Nguyễn Thặng.
Sài Gòn Ba Trăm Năm Cũ của Nguyễn Hương Nguyễn Cúc.
Xứ Trầm Hương của Quách Tấn.
Non Nước Khánh Hòa của Nguyễn Đình Tư.
Các Đặc San Khánh Hòa-Nha Trang tại: Orlando, Houston, Nam Cali, Bắc Cali (nhiều số).

Phần 2:

ĐÔI DÒNG LỊCH SỬ:

Năm 1690, Chúa Nghĩa Nguyễn Phúc Trăn (1687-1691), lập phủ Chúa ở Phú Xuân, đổi tên phủ Thái Khang thành phủ Bình Khang.

Năm 1742 Chúa Nguyễn Phúc Khoát (Võ Vương) đổi tên Diên Ninh thành Diên Khánh.

Từ khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ đất Thuận Hóa (1558) cho đến năm 1744, đời Chúa Nguyễn Phúc Khoát (làm Chúa từ 1738-1765) là 186 năm, tuy làm Chúa một phương nhưng vẫn dùng niên hiệu nhà Lê và theo chế độ phương Bắc.

Năm 1744, Chúa Nguyễn Phúc Khoát xưng vương hiệu, sửa chế độ, định triều nghi thành một nước tự chủ, (nhưng chưa có quốc hiệu nên người ngoại quốc vẫn quen gọi là Quảng Nam quốc), chia nước thành 12 dinh trong đó có dinh Bình Khang gồm 2 phủ Diên Khánh và Bình Khang (Ninh Hòa) cùng 5 huyện. Từ sông Phan Rang trở về thuộc dinh Bình Thuận.

12 dinh là:

Chính dinh (Phú Xuân), Cựu dinh (Ái Tử), Quảng Bình dinh, Vũ Xá dinh, Bồ Chính dinh, Quảng nam dinh, Phú Yên dinh, Bình Khang dinh, Bình Thuận dinh, Trấn Biên dinh, Phiên Trấn dinh, và Long Hồ dinh.

Lý sở của quan Trấn thủ dinh Bình Khang (tỉnh trưởng Khánh Hòa) vẫn đóng tại địa hạt phủ Bình Khang (Ninh Hòa) bên bờ Bắc sông Dinh như thời quan Thái thú.

Mỗi dinh, ngoài quan Trấn thủ có quan Cai bạ, quan Ký lục để coi việc cai trị.

Từ 1653 đến 1765 trải qua 112 năm đất Khánh Hòa xưa không xảy ra một biến cố gì quan trọng, nhưng từ khi Chúa Nguyễn Phúc Thuần kế nghiệp thì trong nước sinh loạn lạc, phần thì bọn tham quan ô lại bóc lột, phần thì giặc cướp quấy nhiễu nên nhân dân đồ thán.

Năm 1771 Tây Sơn khởi nghĩa ở Qui Nhơn dựng nên nghiệp lớn.

Năm 1774 Chúa Nguyễn bỏ thành Phú Xuân chạy vào Gia Định, vùng đất từ Quảng Nam đến Bình Thuận thuộc nhà Tây Sơn. Ít lâu sau quan Lưu trấn đất Long Hồ là Tổng Phúc Hợp đem quân từ miền Nam ra đánh lấy lại 3 phủ Bình Thuận, Diên Khánh, Bình Khang, nhưng Nguyễn Nhạc lập mưu đem quân từ Qui Nhơn vào chiếm lại. Gần 20 năm dinh Bình Khang dưới quyền cai trị nhà Tây Sơn được yên ổn.

Năm 1793, Nguyễn Ánh sai tướng Lê Văn Quân đem binh từ Nam ra đánh chiếm dinh Bình Thuận, dinh Bình Khang, rồi cho xây thành đào hào kiên cố tại phủ lý Diên Khánh để làm tổng hành dinh giao cho Nguyễn Văn Thành trấn thủ, sau Hoàng Tử Cảnh và Bá Đa Lộc ra tăng cường, kế đó Võ Tánh ra thay.

Từ đó Ninh Hòa không còn là nơi đặt dinh quan Trấn thủ nữa.

Năm 1794 và 1795 Trần Quang Diệu vào đánh Thành Diên Khánh 2 lần, nhưng không hạ được, từ đó dinh Bình Khang vĩnh viễn thuộc về nhà Nguyễn.

Năm 1802, Vua Gia Long thống nhất sơn hà, đặt tên nước là Việt Nam, chia nước thành 4 doanh, 23 trấn.

Năm 1803, dinh Bình Khang đổi thành dinh Bình Hòa. Phủ Bình Khang đổi thành phủ Bình Hòa. Dinh quan trấn thủ vẫn đóng tại Thành Diên Khánh.

Năm 1808, dinh Bình Hòa đổi thành trấn Bình Hòa

Năm 1831, Vua Minh Mạng đổi trấn Bình Hòa thành tỉnh Khánh Hòa, Diên Khánh vẫn được dùng làm tỉnh lỵ. Phủ Bình Hòa đổi thành phủ Ninh Hòa, sáp nhập huyện Hòa Châu vào huyện Phước Điền, tỉnh Khánh Hòa có 2 phủ, 4 huyện. Quan Tuần Vũ coi 2 tỉnh Khánh Hòa, Bình Thuận gọi là Thuận Khánh Tuần Vũ, Ty Bố có quan Bố Chánh Sứ, Ty Án có quan Án Sát Sứ giúp việc. Ở phủ, huyện có quan Tri phủ, Tri huyện.

Từ năm Vua Gia Long lên ngôi đến khi Vua Tự Đức băng hà là 81 năm (1802 - 1883) Khánh Hòa được an cư lạc nghiệp, nhưng từ khi giặc Pháp xâm lăng, tỉnh Khánh Hòa bất ổn, liên tục xảy ra đổ máu. Năm 1885 Kinh thành Huế thất thủ, Vua Hàm Nghi chạy ra Quảng Trị xuống chiếu Cần Vương, các sĩ phu và nhân dân Khánh Hòa nhiệt liệt hưởng ứng. Tại Vạn Ninh có nhóm nghĩa binh của ông Trần Đường. Ba anh em Ô. Nguyễn Khanh, Nguyễn Dị, Nguyễn Lương cố thủ thành Diên Khánh. Ở vùng Hòn Khói có quân của ông Trịnh Phong, tục danh là Đề Phong. Nhưng vì thế yếu các bậc Văn Thân cuối cùng thất bại đành phải tuân tiết để nêu cao gương dũng liệt nghìn thu. Nhân dân Khánh Hòa nằm dưới 2 ách cai trị của Pháp và Nam Triều. Cấp chỉ huy tỉnh thuộc Nam Triều có Tuần Vũ, Án Sát, Lãnh Binh. Lỵ sở đóng tại Diên Khánh. Cơ quan lãnh đạo Pháp có Chánh Sứ, Phó Sứ, Giám Binh đóng tại Nha Trang.

Năm 1888, Vua Đồng Khánh tách huyện An Phước cùng 7 xã của huyện Tuy Phong và 2 tổng của huyện Hòa Đa ra khỏi tỉnh Bình Thuận nhập vào huyện Vĩnh Xương, Năm 1901, thời Vua Thành Thái, các phần đất cắt trên đây lại trở về Ninh Thuận để đổi phủ Ninh Thuận thành đạo Ninh Thuận. Tỉnh Khánh Hòa có 2 phủ, 4 huyện. Phủ Ninh Hòa có 2 huyện Quảng Phước, Tân Định; phủ Diên Khánh có 2 huyện Phước Điền, Vĩnh Xương.

Thời vua Duy Tân cắt 1 phần đất huyện Vĩnh Xương lập huyện Cam Lâm, bỏ huyện Phước Điền giao phủ Diên Khánh kiêm lý, bỏ huyện Quảng Phước giao phủ Ninh Hòa kiêm lý. Tỉnh Khánh Hòa chỉ còn 2 phủ là Ninh Hòa, Diên Khánh và 3 huyện là Cam Lâm, Vĩnh Xương, Tân Định. Tên Quảng Phước mất từ đó.

Năm 1908, nhà chí sĩ Trần Quý Cáp phát động phong trào canh tân bị bọn quan lại Nam Triều kết án tử hình hành quyết tại Gò Sông Cạn, Diên Khánh, nhân dân tiếc thương lập đền thờ đặt tên đường để nhớ ơn. Đường Trần Quý Cáp là con đường chính tại Nha Trang và Thị trấn Ninh Hòa.

Năm 1924, vua Bảo Đại ra Dụ thiết lập Thị xã Nha Trang, tòa công sứ Pháp và các ty sở đều đóng tại đây, nhưng quan Nam triều vẫn đóng tại Thành.

Khoảng năm 1930-1931 sau khi quốc lộ 21 hoàn thành việc buôn bán tại huyện Tân Định (địa phận Ninh Hòa bây giờ) trở nên phồn thịnh, lại thêm vùng Hòn Khói sản xuất muối phát triển ghe thuyền ra vào tấp nập, huyện Tân Định đổi thành phủ Ninh Hòa (tức Ninh Hòa bây giờ), còn phủ Ninh Hòa cũ thì đổi là huyện Vạn Ninh, tên Tân Định từ đó mất hẳn.

Năm 1945, sau khi Nhật đảo chánh Pháp, tỉnh lỵ Khánh Hòa dời xuống Nha Trang đóng tại Tòa Sứ cũ.

Ngày 19-8-1945 Việt Minh nắm quyền được 2 tháng thì Pháp đổ bộ lên Nha Trang chiếm lại Khánh Hòa.

Năm 1946 chiến tranh Việt Pháp lan tràn khắp tỉnh, chính phủ Pháp cắt 1 phần đất thuộc phủ Diên Khánh đặt 1 cơ quan đại diện tại hạt Suối Dầu để bảo vệ quyền lợi thực dân tại các vườn cao su, ở đây đặt 1 viên sĩ quan Pháp có 1 viên bang tá người Việt phụ lực. Nha Bang Tá Suối Dầu trực thuộc Tòa Công sứ Pháp tại Nha Trang.

Năm 1949, Tòa Công Sứ Pháp bị bãi bỏ được thay thế bằng 1 cơ quan đại diện Chính phủ Quốc gia Việt Nam đứng đầu là 1 vị Tỉnh trưởng, có Phó Tỉnh trưởng, trụ sở đóng tại Nha Trang, còn Thành dùng làm trụ sở quận Diên Khánh. Từ đó các danh từ phủ huyện đều bỏ thay bằng danh từ quận, đứng đầu có viên quận trưởng. Huyện Cam Lâm gọi là Nha Kiêm Lý Bang Tá trực thuộc Tòa Tỉnh Trưởng tại Nha Trang.

Đến tháng 12/1954 hai Nha Bang Tá Suối Dầu và Cam Lâm gọi chung là Nha Đại Diện Hành Chánh.

Tháng 7/ 1958 Nha Đại Diện Hành Chánh Suối Dầu bãi bỏ nhập vào Cam Lâm thành quận mới gọi là quận Cam Lâm.

Tháng 5/1959, 2 tổng Krong Jing và Krong Kinh gồm 5 xã 30 thôn của tỉnh Đắc Lắc rộng độ 1.000km² sáp nhập vào quận Ninh Hòa gọi là Cơ Sở Hành Chánh Khánh Dương.

Tháng 4/ 1960, 12 thôn quận Cam Lâm nhập vào quận Du Long mới thành lập của tỉnh Ninh Thuận, Khánh Hòa bị mất 290km².

Tháng 12/1960 Cơ Sở Hành Chánh Khánh Dương cải thiết thành quận Khánh Dương có 5 xã, quận lỵ đóng tại Khánh Chi (M Drak, xã Ea Ksung trên Quốc lộ 21). Từ Ninh Hòa lên Khánh Dương vượt qua nhiều đèo như đèo 24, đèo Phụng Hoàng, đèo Giốc Đất, đèo Mả Rạc.

Năm 1965, 1 phần đất của quận Cam Lâm bị cắt để thiết lập Thị Xã Cam Ranh. Thời gian này tỉnh Khánh Hòa có 6 quận: Vạn Ninh, Ninh Hòa, Vĩnh Xương, Diên Khánh, Cam Lâm và Khánh Dương.

Nhìn chung, suốt "100 năm đô hộ giặc Tây, 20 năm nội chiến từng ngày" Khánh Hòa vẫn là xứ hiền hòa, ít xảy ra cảnh máu đổ thịt rơi khủng khiếp như ở các tỉnh từ Đèo Cả trở ra.

Theo bảng thống kê năm 1966:

Quận Vạn Ninh có 34 thôn, 9 xã, diện tích 618km².

Quận Ninh Hòa có 112 thôn, 20 xã, diện tích 1049.2km².

Quận Khánh Dương có 30 thôn (buôn), 5 xã, 2 tổng, diện tích 1384.1km².

Từ đó tính ra diện tích của phủ Thái Khang có khoảng 2.051 km² gần bằng phân nửa diện tích tỉnh Khánh Hòa (4949.8 km²) đã trừ 1000km² của Đắc Lắc và cộng 290km² bị cắt giao Ninh Thuận.

Như vậy, Ninh Hòa xưa tức phủ Thái Khang bao gồm 2 huyện Vạn Ninh, Ninh Hòa và một phần huyện Khánh Dương ngày nay.

Trở lại thời kỳ đầu từ năm 1653 đến 1699 trong vòng 46 năm, dinh Thái Khang (đến năm 1690 đổi là dinh Bình Khang) đã ổn định vững chắc về mọi mặt, có những sự kiện lịch sử quan trọng như sau:

Năm 1674, nước Chân Lạp có Nặc Ông Đài đi cầu viện Tiêm La để đánh Nặc Ông Nộn. Sách Việt Nam Sử Lược viết: "Nặc Ông Nộn bỏ chạy sang cầu cứu ở dinh Thái Khang (nay là Khánh Hòa). Chúa Hiền bèn sai cai-cơ đạo Nha-trang là Nguyễn Dương Lâm cùng với Nguyễn Đình Phái làm tham mưu đem binh chia ra hai đạo sang đánh Nặc Ông Đài, phá được đồn Sài-gòn rồi tiến quân lên vây thành Nam-vang. Nặc Ông Đài phải bỏ thành chạy vào chết ở trong rừng. Nặc Ông Thu ra hàng. Nặc Ông Thu là chính dòng con trưởng cho nên lại lập làm chánh quốc vương đóng ở Long-úc, để Nặc Ông Nộn làm đệ nhị phó vương, đóng ở Sài-gòn, bắt hằng năm phải triều cống."

Năm 1693, Chúa Nguyễn Phúc Chu sai quan Tổng-binh Nguyễn Hữu Kính đem binh đánh bắt được Vua Chiêm là Bà Tranh và bốn thần tử là Tả Trà Viên, Kế Bà Tử cùng thân thuộc là Bà Ân đem về Phú Xuân, đổi đất Chiêm Thành làm Thuận phủ cho Tả Trà Viên, Kế Bà Tử làm Khâm Lý và 3 người con của Bà Ân làm Đề Đốc giữ Thuận-phủ, bắt phải đối y phục như người Việt để phủ dụ dân Chiêm. Qua năm sau đổi Thuận-phủ ra Thuận-Thành-trấn cho Kế Bà Tử làm Tả Đô Đốc. Năm 1697 đặt phủ Bình-thuận, lấy đất Phan-lý (Phan Rí) Phan-lang (Phan Rang) làm 2 huyện Yên-phước, Hòa-đa, từ đó nước Chiêm Thành mất hẳn. Sách Sài Gòn 300 năm cũ chép: "Vì có công bình định Chiêm Thành, Nguyễn Hữu Cảnh (Kính) được thăng Chương Cơ, trấn thủ Bình Khang (Bình Khương), sau này quận Ninh Hòa thuộc tỉnh Khánh Hòa."

Năm 1699, "Chúa Nguyễn phong Nguyễn Hữu Kính làm thống binh cùng với hai phó tướng (...) đem quân thủy bộ từ Dinh Bình Khương vào Nam hợp lực với Trần Thượng Xuyên lo việc bình định Chân Lạp" đã chiếm được thành Bích Đôi tức thủ đô Nam Vang bấy giờ.

Tóm lại, lịch sử "Ninh Hòa Xưa" trải qua 351 năm gắn liền với lịch sử tỉnh Khánh Hòa, lúc đầu có tên là phủ Thái Khang, sau đổi thành Bình Khang, Bình Hòa, Ninh Hòa, gồm 2 huyện Quảng Phước, Tân Định chạy dài từ Đèo Cả đến phủ Diên Ninh có diện tích khoảng 2.051km², bao gồm 2 huyện Vạn Ninh, Ninh Hòa và 1 phần huyện Khánh Dương ngày nay, gần bằng phân nửa diện tích tỉnh Khánh Hòa.

Dinh quan Thái Thú Thái Khang (về sau đổi là quan Trấn Thủ Bình Khang) đóng tại bờ Bắc sông Dinh gần khu vực cầu Dinh thuộc thôn Vĩnh Phú ngày nay suốt 140 năm mới dời vào Thành Diên Khánh. Còn phủ đường của phủ Thái Khang thì đóng tại thôn Phước Đa đến thời Pháp thuộc mới dời về địa điểm gần Ngã Ba Bùng Bình Thị trấn Ninh Hòa như ngày nay.

Ninh Hòa xưa đã từng đóng 1 vai trò hậu phương quan trọng trong Phong trào Nam Tiến của Chúa Nguyễn mở mang vùng đất rộng lớn từ Phan Rang đến mũi Cà Mau.

Xin ghi lại các sự kiện lịch sử quan trọng đáng ghi nhớ:

Năm 1653, Chúa Nguyễn Phúc Tần lập ra phủ Thái Khang. Kéo dài đến năm 1690 là 37 năm.

Năm 1690, Chúa Nguyễn Phúc Tần đổi tên Phủ Thái Khang thành Phủ Bình Khang. Kéo dài đến năm 1803 là 113 năm.

Năm 1803, Vua Gia Long đổi Phủ Bình Khang thành Phủ Bình Hòa. Kéo dài đến năm 1831 là 28 năm.

Năm 1831, Vua Minh Mạng đổi tên Phủ Bình Hòa thành Phủ Ninh Hòa. Kéo dài đến năm 1949 là 118 năm. (Đặc biệt, khoảng năm 1930-1931 chính phủ thực dân Pháp đổi phủ Ninh Hòa thành huyện Vạn Ninh, còn huyện Tân Định thì đổi thành phủ Ninh Hòa, theo Nguyễn Đình Tư)

Năm 1949, phủ Ninh Hòa đổi thành quận Ninh Hòa. Kéo dài đến năm 1975 là 26 năm.

Từ năm 1975 đến nay: quận Ninh Hòa đổi thành huyện Ninh Hòa.

Từ khi thành lập 1653 đến năm 1793 là 140 năm, lý sở của Khánh Hòa xưa đặt tại Ninh Hòa bên bờ Bắc sông Dinh gần khu vực Cầu Dinh thuộc thôn Vĩnh Phú, huyện Ninh Hòa ngày nay. Còn phủ đường của Ninh Hòa xưa từ khi mới thành lập cho đến thời Pháp thuộc khoảng 230 năm đóng tại thôn Phước Đa, huyện Ninh Hòa bây giờ, rồi mới dời về địa điểm gần Ngã Ba Bùng Bình Thị trấn Ninh Hòa như ngày nay.

Năm 1793, Nguyễn Ánh xây Thành Diên Khánh, lý sở Khánh Hòa xưa được dời vào Thành (156 năm) đến năm 1949 mới dời xuống Nha Trang cho đến bây giờ.

Chữ Ninh Hòa do Vua Minh Mạng đặt, chữ Bình Hòa do Vua Gia Long đặt, chữ Bình Khang do Chúa Nghĩa Nguyễn Phúc Trấn đặt, chữ Thái Khang do Chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần đặt.

Theo tự điển, những chữ Thái, Khang, Bình, Hòa, Ninh, Khánh có nghĩa như sau:

Thái: - to lớn - hanh thông, thời vận tốt, thuận lợi, may mắn, - yên ổn không có loạn lạc chiến tranh (thái bình, thái hòa).

Khang: - yên ổn (khang kiện, khang cường: yên mạnh, mạnh khỏe; khang ninh: mạnh khỏe bình yên)

Bình: - Bằng phẳng - bằng nhau (bình đẳng) - yên lặng vô sự (bình yên, thái bình, hòa bình) - yên ổn không có chiến tranh loạn lạc (bình an)

Hòa: - cùng ăn nhịp với nhau - vừa phải, không thái quá không bất cập (thiên hòa) - vui; nhân dân ai nấy đều yên vui làm ăn thỏa thuận - không trái với ai (hòa khí) - hòa thuận (hòa hiếu) - thôi không tiến hành chiến tranh chống nhau nữa - không có mâu thuẫn xung đột với nhau (hòa bình: không có chiến tranh, không dùng vũ lực)

Ninh: yên ổn

Khánh: - mừng; chúc mừng

Thái Khang: thuận lợi may mắn yên ổn thái bình.

Bình Khang: yên ổn bình an thái bình

Bình Hòa: yên ổn bình an hòa bình

Ninh Hòa: yên ổn hòa bình

Khánh Hòa: mừng hòa bình

Tóm lại, Tiên nhân đã đặt cho xứ Ninh, tức Ninh Hòa xưa bằng 4 tên khác nhau, Thái Khang, Bình Khang, Bình Hòa, Ninh Hòa, nhưng đều có chung một ý nghĩa rất tốt đẹp là "Yên Ổn Thái Bình", ăn khớp với tên của tỉnh Khánh Hòa là "Mừng Hòa Bình" và biệt danh của vị Chúa khai nguyên là "Hiền".

Đó cũng là ước mơ, hoài bão của người dân xứ Ninh xưa nay vậy.

"Quê em biển nước hiền hòa

Con người ngay thẳng thật thà thủy chung

Đời còn mưa gió bão bùng

Núi còn ghi tạc bóng hình Vọng Phu

Sông Dinh nước chảy qua cầu

Chảy từ tim Mẹ ngát màu thời gian

Cội nguồn thương quá Thái Khang!
Nghĩa tình còn đó Bình Khang dạt dào
Sông Dinh nước chảy dòng chao
Chở phù sa đắp bồi bao ân tình
Sông Dinh ra biển Thái Bình
Lòng mơ trở lại xứ Ninh hiền hòa."

(Sông Dinh thơ tưởng, Đoàn Thủy Tiên)